

Ngày 13/8/2025
Về tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bê

2. Bà Cao Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên); Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã Q, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là thôn V, xã D, tỉnh Hưng Yên).

- Bị đơn: Anh **Khương Văn T**, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên).

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Khương Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã D, tỉnh Hưng Yên) vào

ngày 27/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần. Từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị O sinh sống từ tháng 6/2022, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Khương Gia H, sinh ngày 24/3/2019. Hiện con chung đang ở với chị O. Ly hôn, chị O có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ và được bố mẹ chị sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc con cái, chị có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tòa án đã giao, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn anh Khương Văn T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2025, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978 là mẹ đẻ anh Khương Văn T cung cấp: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều O như chị O trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình bà tại thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên và không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà chị O bỏ nhà đi từ năm 2022, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay. Anh T cũng không đi tìm hay liên lạc gì với chị O. Gia đình bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn của Tòa án tổng đạt cho anh T. Tuy nhiên, hiện anh T đi làm ăn xa không có nhà nên bà đã thông báo lại nội dung thông báo cho anh T được biết. Anh T trao đổi lại với bà là anh không còn tình cảm vợ chồng với chị O nên anh đồng ý ly hôn nhưng vì công việc của anh T bận mãi nên anh không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương. Bà tự nguyện nhận các văn bản của Tòa án thay anh T, bà cam đoan sẽ thông báo lại nội dung văn bản cho anh T được biết. Chị O và anh T có 01 con chung là cháu Khương Gia H, sinh ngày 24/3/2019, hiện đang ở với chị O. Ly hôn, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho con. Hiện anh T là công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Chị O và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Tại biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương cung cấp: Anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều O có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2018 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã D, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì chính quyền địa phương không biết do anh chị không yêu cầu các đoàn thể tại địa phương tiến hành hòa giải. Tuy nhiên, vợ chồng anh chị có vài lần xảy ra cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn có thể là do anh T nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng anh chị sống ly thân khoảng 02 năm nay. Chị O, anh T có 01 con chung là Khương Gia H, sinh ngày 24/3/2019. Vợ chồng anh chị không nợ nghĩa vụ tài chính tại địa phương. Anh T làm nghề gì thì chính quyền địa phương không rõ nhưng anh T thường xuyên vắng nhà. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết theo nguyện vọng hai bên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị O được ly hôn anh T; xử giao con chung cho chị O nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Chị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Khương Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị O, bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ anh T và xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát kéo dài. Chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị O sinh sống từ tháng 6/2022, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh T cũng trao đổi lại với gia đình là anh không còn tình cảm vợ chồng với chị O nên anh đồng ý ly hôn chị O. Quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị O giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn; anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Khương Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Kiều O ly hôn anh Khương Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Khương Văn T có 01 con chung là Khương Gia H, sinh ngày 24/3/2019. Ly hôn, chị O có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung. Từ khi anh T và chị O sống ly thân, con H được chị O và bố mẹ đẻ chị O chăm sóc, nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định và phát triển về thể chất, tinh thần bình thường. Chị O hiện là chủ cửa hàng bán quần áo, có thu nhập hàng tháng đảm bảo cuộc sống. Khi ly hôn, anh T cũng xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không lên làm việc. Xét thấy, chị O có điều kiện về nơi ở, điều kiện về kinh tế, điều kiện về thời gian... để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, cần xử giao con Khương Gia H cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Khương Văn T không trình bày ý kiến về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn anh Khương Văn T.

2. Về con chung:

Xử giao con chung là Khương Gia H, sinh ngày 24/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu anh Khương Văn T cấp dưỡng cho con chung cùng chị.

Anh Khương Văn T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Khương Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Kiều O đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000656 ngày 23/6/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hưng Yên (Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà cũ) thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O và bị đơn anh Khương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

